

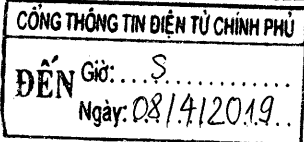
Số: **19** /2019/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **05** tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng trong thời gian 05 năm (2015-2019)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ



Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất và Quyết định số 1351/QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 06 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đính chính Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về điều chỉnh, bổ sung Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng trong thời gian 05 năm (2015-2019);

Căn cứ Quyết định số 75/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng trong thời gian 5 năm (2015-2019);

Căn cứ Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung giá đất ở tại các khu quy hoạch, khu đô thị mới của Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng trong thời gian 5 năm (2015-2019) ban hành kèm theo Quyết định số 75/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng trong thời gian 5 năm (2015-2019) ban hành kèm theo Quyết định số 75/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 89/TTr-STNMT-KHTC ngày 25 tháng 3 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng trong thời gian 05 năm (2015-2019) (viết tắt là Bảng giá đất 05 năm) ban hành kèm theo Quyết định số 75/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh khoản 1 Điều 14 Bảng giá đất 05 năm – Giá đất ở tại đô thị, thành phố Huế

Đơn vị tính: Đồng/m²

LOẠI ĐƯỜNG PHỐ	Điều chỉnh			
	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
ĐƯỜNG PHỐ LOẠI 5				
Nhóm đường 5A	4.680.000	2.040.000	1.270.000	1.030.000
Nhóm đường 5B	4.200.000	1.840.000	1.160.000	950.000
Nhóm đường 5C	3.320.000	1.670.000	1.030.000	950.000
Nhóm đường có tên còn lại	1.900.000	1.110.000	880.000	790.000

2. Bổ sung Phụ lục 1 Điều 14 Bảng giá đất 05 năm - Giá đất ở tại thành phố Huế

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Loại đường
1	Cần Vương	Nguyễn Văn Linh	Đường Quy hoạch	5B
2	Phạm Thận Duật	Nguyễn Văn Linh	Đường Quy hoạch	5C

3. Điều chỉnh, bổ sung Điều 19 Bảng giá đất 05 năm - Giá đất ở tại các khu quy hoạch, khu dân cư mới trên địa bàn thành phố Huế

Đơn vị tính: Đồng/m²

Phường, Khu quy hoạch, Mặt cắt đường (tính cả vỉa hè)	Loại đường	Đơn giá
Phường An Hòa và phường Hương Sơ		
Khu hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc Hương Sơ (khu vực 1 và khu vực 2)		
Đường từ 24,5m trở lên	5A	4.680.000
Đường từ 20,0m đến 24,0m	5B	4.200.000
Đường từ 17,0m đến 19,5m	5C	3.320.000
Đường từ 14,0m đến 16,5m		2.610.000
Đường từ 13,5m trở xuống	Nhóm đường còn lại	1.900.000

Điều 2. Các lô đất, thửa đất đã được quy định giá tại Quyết định số 75/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014, Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 01/6/2016, Quyết định số 53/2017/QĐ-UBND ngày 27/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế nay có quy định giá trong Quyết định này thì áp dụng giá được ban hành theo Quyết định này.

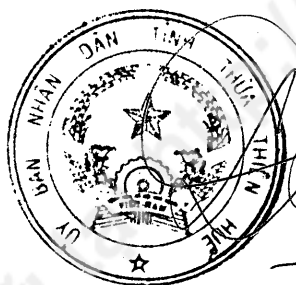
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2019.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các Bộ: TNMT, TC (đề b/c);
- Cục KTVBQPPL Bộ Tư pháp;
- TV Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT và các Ban của HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Viện KSND tỉnh, TAND tỉnh, Sở Tư pháp;
- Website Chính phủ; Công TTĐT tỉnh;
- Báo Thừa Thiên Huế;
- Công báo tỉnh TT Huế;
- Lưu: VT, TH, TC, ĐC, CS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KI. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Phan Thiên Định

